

ĐẶC ĐIỂM NGỮ DỤNG XÃ HỘI CỦA TRẺ RỐI LOẠN PHỔ TỰ KỈ 4-5 TUỔI VÀ PHÁT TRIỂN NGỮ DỤNG XÃ HỘI CHO TRẺ TRONG MÔI TRƯỜNG HÒA NHẬP

Đoàn Thị Thanh Thủy⁺,
Nguyễn Nữ Tâm An

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
+Tác giả liên hệ • Email: thanhthuy2014pr@gmail.com

Article history

Received: 16/10/2024

Accepted: 13/12/2024

Published: 20/01/2025

Keywords

Social pragmatics, 4-5 year old children with autism spectrum disorder, inclusive environment

ABSTRACT

Social pragmatics refers to the ability to use language appropriately in various social situations, including understanding and adhering to social rules in communication. For children with autism spectrum disorder, developing social pragmatic skills is a challenging process that requires adequate intervention and support from teachers, families, and the surrounding environment. With the aim of helping these children develop social communication abilities and integrate socially effectively, this paper discusses the social pragmatic characteristics of 4 to 5-year-old children with autism spectrum disorder and the development of these skills in an inclusive environment. The research results clarify several issues related to the social pragmatic features of 4 to 5-year-old children with autism spectrum disorder and the factors affecting the development of these skills in an inclusive setting. Based on these findings, the study suggests activities to promote social pragmatic abilities in 4 to 5-year-old children with autism spectrum disorder in an inclusive learning environment, centered around the theme of "Family" to help them understand and use appropriate context in daily communication.

1. Mở đầu

Rối loạn phổ tự kỉ (RLPTK) là một rối loạn phát triển phức tạp, đặc trưng bởi các khiếm khuyết về giao tiếp, tương tác xã hội và hành vi, gây nhiều trở ngại cho học tập và cuộc sống của trẻ. Khó khăn lớn nhất ở trẻ RLPTK là "thiếu hụt trong giao tiếp và tương tác xã hội trong nhiều bối cảnh," đặc biệt là về ngữ dụng xã hội - khả năng (KN) sử dụng ngôn ngữ phù hợp với tình huống và người đối thoại. Ngữ dụng xã hội đóng vai trò quan trọng trong giao tiếp, giúp điều chỉnh ngôn ngữ theo bối cảnh và mục đích. Tuy nhiên, trẻ RLPTK thường gặp khó khăn trong các khía cạnh như hiểu ý nghĩa ngầm, tuân thủ quy tắc hội thoại, và thích ứng với đối tượng giao tiếp.

Nếu xây dựng một hệ thống hoạt động phát triển ngữ dụng xã hội phù hợp cho trẻ RLPTK 4-5 tuổi, kết hợp với dạy học hòa nhập, trẻ có thể cải thiện đáng kể kỹ năng giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ linh hoạt, và tham gia tích cực vào các hoạt động nhóm trong lớp học. Bài báo này tập trung vào đặc điểm ngữ dụng xã hội của trẻ RLPTK 4-5 tuổi và đề xuất các hoạt động theo chủ đề gia đình, nhằm giúp trẻ hiểu và sử dụng ngôn ngữ đúng ngữ cảnh trong giao tiếp hằng ngày.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Đặc điểm ngữ dụng xã hội của trẻ rối loạn phổ tự kỉ 4-5 tuổi

Sử dụng đúng ngữ cảnh: Trẻ RLPTK cũng gặp trở ngại khi điều chỉnh ngôn ngữ để đạt được các mục đích giao tiếp khác nhau, đặc biệt là trong ngữ cảnh xã hội phức tạp. Việc tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn khác nhau như lời nói, hình ảnh và cử chỉ cũng gặp khó khăn, làm giảm KN thích nghi của trẻ. Ngoài ra, trẻ RLPTK thường không nhận ra rằng người khác có suy nghĩ và cảm xúc khác với mình, gây trở ngại trong việc sử dụng ngữ cảnh trong giao tiếp (Frith, 2001). Trong học tập, trẻ RLPTK thường tiếp cận vấn đề một cách cứng nhắc và thiếu sự linh hoạt khi phải chuyển đổi giữa các ngữ cảnh khác nhau, làm giảm hiệu quả học tập. Hơn nữa, trẻ còn khó nhận biết và phản ứng với các tín hiệu phi ngôn ngữ như ngôn ngữ cơ thể hay biểu cảm khuôn mặt, điều này ảnh hưởng đến KN giao tiếp xã hội của trẻ (Baron-Cohen, 1997).

Hiểu hàm ngôn và ý ngầm: Trẻ RLPTK thường gặp khó khăn trong việc hiểu ngôn ngữ ẩn dụ, lời ám chỉ, và các ngụ ý trong giao tiếp, vì điều này đòi hỏi KN suy luận dựa trên ngữ cảnh. Thay vì hiểu những câu nói có ẩn ý, trẻ RLPTK có xu hướng hiểu theo nghĩa đen. Ví dụ, câu "Thời tiết hôm nay thật tuyệt để đi bơi" có thể chỉ được hiểu là một nhận xét về thời tiết, thay vì ám chỉ ý muốn đi bơi (Norbury, 2005). Những khó khăn này cũng mở rộng đến việc hiểu hàm ngôn, tức những ý nghĩa không nói ra trực tiếp nhưng có thể suy ra từ ngữ cảnh. Trẻ RLPTK thường

không nhận ra các tín hiệu xã hội tinh tế để suy luận ý nghĩa ngầm, khiến chúng không thể hiểu được những gợi ý hoặc lời nói không trực tiếp. Ngoài ra, việc hiểu ngôn ngữ ẩn dụ, như câu “Cậu ấy là một con sư tử trên sân cỏ,” thường là thách thức đối với trẻ RLPTK, vì chúng không thể nắm bắt sự chuyển đổi giữa nghĩa đen và nghĩa bóng (Norbury, 2005). Điều này cũng áp dụng cho những câu hỏi gián tiếp hoặc yêu cầu không rõ ràng, khi trẻ RLPTK có thể hiểu sai hoặc yêu cầu giải thích rõ ràng hơn. Một phần nguyên nhân có thể đến từ sự thiếu phát triển của lí thuyết tâm trí, tức KN nhận ra suy nghĩ, cảm xúc và ý định của người khác, làm giảm KN suy luận về các ý ngầm trong giao tiếp (Baron-Cohen et al., 1995).

Thực hiện hành vi ngôn từ: Trẻ RLPTK gặp khó khăn trong việc thực hiện các hành vi ngôn từ, bao gồm yêu cầu, từ chối, đề nghị, hứa hẹn và cảm ơn, do những hạn chế về KN nhận thức xã hội và ngữ dụng. Ví dụ, trẻ RLPTK thường yêu cầu một cách trực tiếp, thiếu tính mềm dẻo, gây khó chịu cho người nghe (Paul, 2003). KN từ chối lịch sự của trẻ cũng bị hạn chế, khiến lời từ chối có thể thô lỗ hoặc gây căng thẳng. Ngoài ra, trẻ RLPTK thường không nhận thức được sự cần thiết của việc cảm ơn hoặc xin lỗi, do gặp khó khăn trong việc hiểu các quy tắc xã hội và tín hiệu cảm xúc (Baron-Cohen, 1997). Hành vi đề nghị của trẻ có thể trở nên cứng nhắc, thiếu sự linh hoạt và gây khó tiếp nhận trong các tình huống giao tiếp (Tager-Flusberg, 1993). Trẻ RLPTK cũng gặp trở ngại trong việc điều chỉnh hành vi ngôn từ sao cho phù hợp với ngữ cảnh xã hội, khiến cho giao tiếp trở nên không nhất quán và có thể gây hiểu lầm hoặc khó chịu (Landa, 2000).

Tuân thủ các quy tắc hội thoại: Trẻ RLPTK thường gặp khó khăn trong việc tuân thủ các quy tắc hội thoại, từ đó ảnh hưởng đến KN giao tiếp xã hội. Các quy tắc hội thoại cơ bản bao gồm luân phiên lượt lời, liên quan chủ đề, mạch lạc, súc tích, đầy đủ thông tin, chất lượng thông tin, lịch sự, và phù hợp với ngữ cảnh. Trẻ RLPTK thường gặp khó khăn trong việc nhận biết tín hiệu khi cần ngừng hoặc bắt đầu nói, dẫn đến gián đoạn trong hội thoại (Paul, 2003). Chúng cũng khó duy trì chủ đề, thường chuyển đổi đột ngột và thiếu sự liên quan trong các cuộc trò chuyện (Loveland & Tunali, 1991). Về tính mạch lạc, trẻ RLPTK có thể cung cấp các câu trả lời không hợp lí hoặc không liên quan đến câu hỏi ban đầu, khiến cuộc trò chuyện trở nên khó hiểu (Baron-Cohen, 1997). Ngoài ra, trẻ gặp khó khăn trong việc điều chỉnh lượng thông tin, có thể cung cấp quá nhiều hoặc quá ít thông tin (Grice, 1975). Về chất lượng thông tin, trẻ RLPTK có thể đưa ra thông tin không chính xác không do cố ý mà do không phân biệt được giữa thực tế và tưởng tượng (Landa, 2000). Trẻ RLPTK cũng khó tuân thủ các quy tắc về lịch sự và ngữ cảnh, thường không nhận ra tín hiệu xã hội hoặc điều chỉnh hội thoại phù hợp với tình huống (Tager-Flusberg, 1993).

Thích nghi với tình huống và người nghe: Đây là yếu tố quan trọng trong giao tiếp hiệu quả, nhưng trẻ RLPTK thường gặp khó khăn trong việc điều chỉnh ngôn ngữ, hành vi, và giọng điệu cho phù hợp với bối cảnh và đối tượng giao tiếp. Trẻ RLPTK thường không nhận biết được các yếu tố ngữ cảnh và có xu hướng sử dụng cùng một cách giao tiếp trong nhiều tình huống khác nhau. Ngoài ra, trẻ khó điều chỉnh ngôn ngữ dựa trên mối quan hệ với người nghe, như sử dụng ngôn ngữ thiếu trang trọng với người lớn tuổi (Baron-Cohen, 1997), dẫn đến những khó khăn trong tương tác và giao tiếp xã hội.

Sử dụng và hiểu các quy ước văn hóa: KN ngữ dụng xã hội đòi hỏi sự hiểu biết và tuân thủ các quy tắc văn hóa trong giao tiếp, nhưng trẻ RLPTK thường gặp khó khăn trong việc nhận diện và áp dụng các quy tắc này, dẫn đến những trở ngại trong tương tác xã hội. Các nghiên cứu chỉ ra rằng trẻ RLPTK không nhận thức được sự khác biệt trong cách giao tiếp giữa người lớn và bạn bè (Landa, 2000), khó hiểu và sử dụng cử chỉ phi ngôn ngữ như gật đầu hoặc nụ cười (Volkmar & Klin, 2000) và không biết thể hiện lòng biết ơn trong các tình huống xã hội (Loveland & Tunali, 1991). Hơn nữa, trẻ RLPTK thường không điều chỉnh giọng điệu phù hợp theo quy ước văn hóa (Paul, 2003), khó nhận ra ý nghĩa của các biểu tượng văn hóa, như trang phục truyền thống (Baron-Cohen, 1997) và gặp khó khăn trong việc thích nghi với các quy tắc văn hóa đa dạng do sự cứng nhắc (Tager-Flusberg, 1993). Những trở ngại này làm hạn chế KN giao tiếp và hòa nhập xã hội của trẻ.

2.2. Phát triển ngữ dụng xã hội cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ 4-5 tuổi trong môi trường hoà nhập

2.2.1. Khái niệm phát triển ngữ dụng xã hội ở trẻ rối loạn phổ tự kỉ 4-5 tuổi trong môi trường hoà nhập

Phát triển ngữ dụng xã hội ở trẻ RLPTK là quá trình xây dựng và tổ chức các hoạt động nhằm giúp trẻ phát triển KN sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và phù hợp trong các bối cảnh xã hội khác nhau. Đối với trẻ từ 4-5 tuổi, ngữ dụng xã hội bao gồm các KN như: Hiểu và tuân thủ các quy tắc hội thoại, như biết lắng nghe khi người khác nói, không ngắt lời, hoặc biết điều chỉnh cách diễn đạt theo đối tượng giao tiếp. Sử dụng và phản hồi với ngôn ngữ không lời, như cử chỉ, ánh mắt, biểu cảm khuôn mặt, giúp tăng cường sự hiểu biết và kết nối trong giao tiếp. Tham gia vào các hoạt động giao tiếp xã hội, bao gồm việc giao tiếp với người lớn, bạn đồng trang lứa và biết cách thích nghi với các tình huống xã hội khác nhau (ví dụ: chào hỏi, tạm biệt, cảm ơn, xin lỗi). Trẻ RLPTK có xu hướng gặp

trở ngại trong các khía cạnh của ngữ dụng xã hội, như việc hiểu ý định của người khác, tham gia vào hội thoại và duy trì các quy tắc giao tiếp xã hội. Phát triển ngữ dụng xã hội cho trẻ RLPTK lứa tuổi 4-5 trong môi trường học hòa nhập là quá trình thiết kế và triển khai các hoạt động giáo dục nhằm cải thiện KN giao tiếp và tương tác xã hội của trẻ trong môi trường lớp học chung với các bạn đồng trang lứa.

2.2.2. Mục tiêu của việc phát triển khả năng ngữ dụng xã hội cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ lứa tuổi 4-5 học mầm non hoà nhập

Cải thiện KN giao tiếp bằng lời và không lời: Giúp trẻ sử dụng ngôn ngữ và các tín hiệu không lời (như cử chỉ, biểu cảm khuôn mặt) để giao tiếp hiệu quả hơn. Prutting và Kirchner (1987) cho rằng ngữ dụng xã hội bao gồm việc sử dụng ngôn ngữ lời và không lời trong các ngữ cảnh giao tiếp, và việc cải thiện KN này là mục tiêu chính trong các hoạt động phát triển ngữ dụng xã hội;

Tăng cường KN tham gia vào các cuộc hội thoại: Khuyến khích trẻ học cách làm việc nhóm, chia sẻ và phối hợp với bạn bè trong các hoạt động chung. Hỗ trợ trẻ học các quy tắc xã hội cơ bản, như việc chờ đợi lượt, tôn trọng không gian cá nhân của người khác, và giải quyết xung đột một cách hòa bình. Paul (2007) nhấn mạnh rằng việc cải thiện KN tham gia vào các cuộc hội thoại là một phần quan trọng trong việc phát triển các KN giao tiếp xã hội cho trẻ RLPTK;

Phát triển KN xã hội và hợp tác: Giúp trẻ học cách làm việc nhóm, chia sẻ, và tuân thủ các quy tắc xã hội cơ bản. Krasny và cộng sự (2003) chỉ ra rằng việc tổ chức các hoạt động nhóm nhỏ là một phương pháp hiệu quả để phát triển các KN xã hội, như hợp tác và chia sẻ;

Tạo điều kiện hòa nhập và tương tác với bạn đồng trang lứa: Cung cấp cơ hội cho trẻ RLPTK để tương tác và học hỏi từ bạn bè không mắc rối loạn trong môi trường hòa nhập. Guralnick (2001) cho rằng môi trường hòa nhập giúp trẻ RLPTK học hỏi và thực hành các KN giao tiếp xã hội trong bối cảnh thực tế, qua đó cải thiện KN hòa nhập của trẻ.

2.2.3. Phương pháp phát triển khả năng ngữ dụng xã hội cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ lứa tuổi 4-5 học mầm non hoà nhập

Hoạt động chơi đóng vai: Tổ chức các trò chơi đóng vai như “bán hàng”, “bác sĩ” để trẻ thực hành các tình huống giao tiếp cụ thể và phát triển các KN ngữ dụng xã hội. Trò chơi đóng vai giúp trẻ thực hành các KN ngữ dụng xã hội trong các tình huống thực tế, từ đó cải thiện KN giao tiếp và tương tác.

Hoạt động tương tác xã hội có hướng dẫn: Thực hiện các bài tập tương tác xã hội, như trò chơi “Hỏi - Đáp” hoặc “Trò chuyện nhóm nhỏ”, nơi GV hoặc người lớn hướng dẫn trẻ thực hành các cuộc hội thoại. Paul (2007) nhấn mạnh rằng các hoạt động tương tác có hướng dẫn giúp trẻ học cách duy trì và điều chỉnh các cuộc hội thoại, từ đó nâng cao KN giao tiếp xã hội.

Sử dụng hình ảnh và câu chuyện: Áp dụng phương pháp Social Stories với hình ảnh và câu chuyện ngắn để dạy trẻ về các tình huống xã hội và cách phản ứng phù hợp. Gray (1998) phát triển phương pháp Social Stories để giúp trẻ hiểu và phản ứng với các tình huống xã hội, cải thiện KN giao tiếp và tương tác.

Hoạt động nhóm nhỏ: Tổ chức các hoạt động nhóm nhỏ, như xây dựng mô hình hoặc chơi trò chơi hợp tác, để trẻ học cách làm việc cùng nhau và phát triển KN xã hội. Krasny và cộng sự (2003) cho rằng các hoạt động nhóm nhỏ giúp trẻ RLPTK phát triển KN xã hội trong môi trường hỗ trợ và hợp tác.

Hoạt động cá nhân hóa và điều chỉnh: Tùy chỉnh các hoạt động theo nhu cầu và KN của từng trẻ, dựa trên các đánh giá cá nhân và tiến trình học tập. Koegel và Koegel (2006) khuyến nghị rằng các hoạt động nên được điều chỉnh để phù hợp với mức độ phát triển và nhu cầu cá nhân của trẻ, nhằm tối ưu hóa sự tiến bộ trong KN giao tiếp và xã hội.

2.2.4. Yêu cầu khi phát triển khả năng ngữ dụng xã hội cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ lứa tuổi 4-5 học mầm non hoà nhập

Dựa trên nguyên tắc của sự phát triển điển hình ở trẻ em, theo Rogers và Pennington (1991), trẻ RLPTK sẽ phát triển ngôn ngữ và giao tiếp tốt hơn khi chương trình can thiệp dựa trên các giai đoạn phát triển tự nhiên. Theo Vygotsky (1978), sự phát triển ngôn ngữ và tư duy của trẻ được thúc đẩy thông qua tương tác xã hội. Các hoạt động cần được xây dựng dựa trên nguyên lý “vùng phát triển gần nhất” (zone of proximal development - ZPD), mỗi trẻ RLPTK đều có mức độ phát triển ngôn ngữ và KN xã hội khác nhau, do đó các hoạt động phát triển KN ngữ dụng xã hội cần được cá nhân hóa.

Sử dụng bối cảnh dạy học tự nhiên, Koegel và cộng sự (1987) đã chỉ ra rằng, việc dạy ngữ dụng xã hội trong các tình huống thực tế hàng ngày như chơi đùa, giờ ăn, hoặc giao tiếp trong lớp học giúp trẻ RLPTK cải thiện KN ứng dụng các KN giao tiếp vào đời sống thực tế. Đối với trẻ 4-5 tuổi, đặc biệt là trẻ RLPTK, việc học thông qua chơi là phương pháp hiệu quả nhất. Trong môi trường học hòa nhập, các hoạt động chơi cần được thiết kế sao cho trẻ RLPTK

có thể tham gia cùng các bạn khác mà không bị cô lập. Điều này tạo cơ hội cho trẻ học cách tương tác, chia sẻ và hợp tác trong các tình huống xã hội thực tế.

Đảm bảo rằng các giai đoạn giáo dục là do trẻ chủ động quyết định, trẻ RLPTK phát triển KN giao tiếp hiệu quả hơn khi chúng được tham gia vào việc quyết định hoạt động, từ đó tạo ra động lực và cảm giác tự chủ trong giao tiếp. Trẻ sẽ cảm thấy tự tin hơn và ít gặp áp lực khi có sự kiểm soát đối với các tình huống học tập. Việc để trẻ chọn lựa các học liệu và hoạt động sẽ gia tăng sự hứng thú và tăng KN tham gia tích cực, giúp trẻ học hỏi và phát triển KN giao tiếp xã hội một cách tự nhiên.

Việc sử dụng các chiến lược hỗ trợ như phản hồi từ người lớn, bắt chước ngẫu nhiên, kích thích ngôn ngữ gián tiếp và hòa hợp tình cảm cũng rất đáng được quan tâm. Các chiến lược như bắt chước hành vi giao tiếp của trẻ và cung cấp phản hồi tích cực nhẹ nhàng giúp trẻ RLPTK phát triển KN giao tiếp một cách tự nhiên và có ý thức. Khi người lớn bắt chước hoặc phản hồi đúng lúc, trẻ cảm thấy được lắng nghe và khuyến khích thực hiện hành vi giao tiếp.

Sắp xếp môi trường để hỗ trợ giao tiếp và ngôn ngữ cũng là một trong những việc giúp trẻ RLPTK phát triển ngữ dụng xã hội. Kaiser và Hancock (2003) đã chỉ ra rằng việc sắp xếp môi trường học tập sao cho thúc đẩy trẻ giao tiếp, như tạo ra những tình huống yêu cầu trẻ phải sử dụng lời nói hoặc ngôn ngữ phi ngôn ngữ để giao tiếp, giúp trẻ phát triển KN giao tiếp hiệu quả hơn. Điều này có thể bao gồm việc đưa ra các khoảng thời gian chờ để trẻ có thời gian suy nghĩ và phản hồi, hoặc thiết lập các vật dụng trong môi trường để kích thích trẻ tương tác.

Củng cố giao tiếp bằng cách sử dụng các thuộc tính tự nhiên của hành vi giao tiếp cũng rất quan trọng. Koegel và Koegel (2006) đã khẳng định rằng, việc củng cố các hành vi giao tiếp bằng các kết quả tự nhiên sẽ giúp trẻ liên kết hành vi với kết quả một cách trực tiếp và rõ ràng, từ đó thúc đẩy trẻ thực hiện các hành vi giao tiếp một cách tự nhiên. Ví dụ, khi trẻ yêu cầu giúp đỡ và được giúp đỡ ngay lập tức, trẻ sẽ hiểu rằng việc giao tiếp mang lại kết quả mong muốn, và do đó, trẻ sẽ có động lực để tiếp tục giao tiếp.

Sử dụng phương pháp mô hình hóa và phản hồi tích cực. Theo lý thuyết của Bandura năm 1977 về học tập xã hội, trẻ học thông qua việc quan sát hành vi của người khác và nhận phản hồi từ môi trường xung quanh. Trong bối cảnh này, người lớn hoặc bạn đồng trang lứa có thể làm mẫu cho trẻ RLPTK về cách sử dụng ngôn ngữ xã hội, và GV hay phụ huynh sẽ đưa ra phản hồi tích cực khi trẻ áp dụng đúng cách. Điều này giúp trẻ hiểu rõ hơn về các quy tắc xã hội và dần dần hình thành KN ngữ dụng bám sát theo chủ đề trong chương trình mầm non: Gia đình, trường học, nghề nghiệp, động vật, thực vật, phương tiện giao thông, bản thân, lễ hội, thiên nhiên và môi trường, có thể xây dựng các hoạt động và nội dung giáo dục theo từng chủ đề cụ thể, nhằm giúp trẻ dễ dàng tiếp cận và tham gia vào quá trình học tập.

2.2.5. Biện pháp phát triển khả năng ngữ dụng xã hội cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ lứa tuổi 4-5 học mầm non hoà nhập

Tạo môi trường học tích cực và đảm bảo hoà nhập: Đảm bảo môi trường lớp học là một không gian hòa nhập và hỗ trợ, nơi trẻ RLPTK cảm thấy an toàn và được khuyến khích tương tác với các bạn đồng trang lứa không mắc rối loạn. Guralnick (2001) nhấn mạnh rằng môi trường hòa nhập là yếu tố quan trọng trong việc giúp trẻ RLPTK học hỏi và thực hành các KN xã hội trong bối cảnh thực tế.

Sử dụng phương pháp học thông qua chơi: Thiết kế các hoạt động học qua chơi, như các trò chơi đóng vai hoặc các trò chơi hợp tác, để trẻ có thể học và thực hành KN ngữ dụng xã hội một cách tự nhiên và vui vẻ. Học qua chơi không chỉ giúp trẻ phát triển ngôn ngữ mà còn hỗ trợ phát triển các KN xã hội cần thiết (Bruner, 1983).

Cung cấp hướng dẫn và hỗ trợ rõ ràng bằng cách: Chia nhỏ các bước và hướng dẫn chi tiết từng bước, mô hình hóa hành vi, sử dụng các tín hiệu trực quan như cử chỉ, bảng biểu, hoặc các biểu tượng cảm xúc để nhắc nhở trẻ khi nào nên nói chuyện, lắng nghe hoặc ngừng lại, cung cấp hỗ trợ ngay lập tức khi cần, hỗ trợ liên tục và thường xuyên.

Áp dụng công cụ hỗ trợ trực quan: Sử dụng hình ảnh, câu chuyện xã hội, và các công cụ hỗ trợ trực quan khác để giúp trẻ hiểu và thực hành các tình huống xã hội. Gray (1998) cho rằng phương pháp Social Stories và các công cụ trực quan khác là hữu ích trong việc giúp trẻ hiểu các tình huống xã hội và phản ứng phù hợp.

Tạo điều kiện tương tác xã hội tích cực: Tổ chức các hoạt động nhóm nhỏ và trò chơi hợp tác để trẻ có cơ hội thực hành và phát triển KN xã hội trong môi trường tương tác xã hội tích cực. Guralnick (2001) nhấn mạnh rằng việc tạo cơ hội cho trẻ RLPTK tương tác với bạn đồng trang lứa trong môi trường hòa nhập là rất quan trọng cho sự phát triển KN xã hội và cảm giác thuộc về cộng đồng.

Đánh giá và điều chỉnh hoạt động: Theo dõi sự tiến bộ của từng trẻ và điều chỉnh các hoạt động dựa trên sự phản hồi và nhu cầu cụ thể của trẻ để đảm bảo rằng các hoạt động vẫn hiệu quả và phù hợp. Koegel và Koegel (2006)

khuyến nghị rằng việc đánh giá và điều chỉnh liên tục là cần thiết để tối ưu hóa sự tiến bộ trong KN giao tiếp và xã hội của trẻ.

Khuyến khích và phản hồi tích cực: Cung cấp phản hồi tích cực và khuyến khích trẻ khi họ thực hiện đúng các hành vi xã hội và KN giao tiếp, để trẻ có động lực tiếp tục phát triển. Odom và cộng sự (2004) cho rằng sự hỗ trợ và phản hồi tích cực từ GV có tác động lớn đến sự tự tin và sự hòa nhập của trẻ RLPTK trong môi trường lớp học.

Tích cực hợp tác với gia đình: Hợp tác chặt chẽ với gia đình để đảm bảo rằng các hoạt động phát triển ngữ dụng xã hội được củng cố và thực hành ở nhà. McConnell (2002) cho rằng sự tham gia của gia đình là yếu tố quan trọng trong việc hỗ trợ sự phát triển của trẻ, bao gồm cả việc phát triển KN ngữ dụng xã hội.

2.2.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển khả năng ngữ dụng xã hội cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ lứa tuổi 4-5 học mầm non hòa nhập

Về yếu tố khách quan, môi trường giáo dục và xã hội đóng vai trò quan trọng. Trẻ cần một môi trường lớp học hỗ trợ, với phương pháp giáo dục phù hợp và các công cụ hỗ trợ giao tiếp như hình ảnh, tài liệu học tập trực quan. Mối quan hệ xã hội cũng tác động mạnh mẽ đến KN giao tiếp của trẻ. Nếu trẻ có nhiều cơ hội tương tác với bạn bè, GV và người lớn, đồng thời nhận được sự hỗ trợ từ gia đình trong việc thực hành kỹ năng xã hội, trẻ sẽ tiến bộ nhanh hơn. Chính sách giáo dục hòa nhập cũng là yếu tố quan trọng, đảm bảo trẻ RLPTK được hỗ trợ đặc biệt trong lớp học thông qua các chương trình can thiệp sớm và trị liệu ngôn ngữ.

Về yếu tố chủ quan, sự phát triển kỹ năng của trẻ phụ thuộc vào KN nhận thức, giao tiếp và cảm xúc cá nhân. Mức độ phát triển nhận thức, KN ngôn ngữ, và kỹ năng tập trung của trẻ ảnh hưởng trực tiếp đến việc tiếp thu và sử dụng ngôn ngữ xã hội. Trẻ cần có KN điều chỉnh cảm xúc và linh hoạt trong hành vi để thích ứng với các bối cảnh xã hội khác nhau. KN quản lý cảm xúc tốt giúp trẻ điều chỉnh cách phản ứng phù hợp trong giao tiếp, từ đó tăng hiệu quả giao tiếp xã hội.

2.2.7. Hoạt động phát triển ngữ dụng xã hội cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ 4-5 tuổi học hòa nhập

Phát triển KN ngữ dụng xã hội cho trẻ RLPTK lứa tuổi 4-5 trong môi trường học hòa nhập dựa trên những đặc điểm phát triển ngữ dụng xã hội của trẻ RLPTK, các mục tiêu phát triển phù hợp với độ tuổi, và các nguyên tắc giáo dục hòa nhập, bám sát vào chương trình giáo dục mầm non. Chủ đề “Gia đình” là một chủ đề quen thuộc và gần gũi với trẻ, đồng thời cũng là cơ hội để trẻ RLPTK phát triển các KN giao tiếp xã hội, ngữ dụng thông qua các hoạt động liên quan đến nội dung ngữ cảnh gia đình. Hệ thống các hoạt động dưới đây sẽ tập trung vào xây dựng 10 hoạt động trong nội dung sử dụng đúng ngữ cảnh - là một trong những đặc điểm chính của ngữ dụng xã hội nhằm giúp trẻ RLPTK phát triển KN ngữ dụng xã hội trong môi trường học hòa nhập, tập trung vào việc cải thiện KN sử dụng ngôn ngữ phù hợp với tình huống giao tiếp theo chủ đề “Gia đình”.

Hệ thống các hoạt động phát triển KN ngữ dụng xã hội cho trẻ RLPTK lứa tuổi 4-5 trong môi trường học hòa nhập được xây dựng dựa vào mục tiêu, nội dung của các chủ đề và chủ điểm theo chương trình mầm non. Dưới đây là một số hoạt động phát triển KN ngữ dụng xã hội cho trẻ RLPTK lứa tuổi 4-5 trong môi trường học hòa nhập theo chủ đề gia đình giúp trẻ hiểu và sử dụng đúng ngữ cảnh trong giao tiếp hằng ngày:

Chủ đề	Chủ điểm	Mục tiêu ngữ dụng xã hội	Nội dung ngữ dụng xã hội	Hoạt động
Chủ đề Gia đình	Các thành viên trong gia đình	Trẻ học cách giới thiệu các thành viên trong gia đình, gọi tên và mô tả vai trò của từng người (bố, mẹ, ông bà, anh chị em).	- Sử dụng từ ngữ liên quan đến gia đình: bố, mẹ, anh, chị, ông bà. - Trẻ biết cách gọi tên và điều chỉnh cách giao tiếp khi nói chuyện với từng thành viên (ví dụ: nói chuyện lễ phép với ông bà, vui vẻ với anh chị).	- Nhận biết các thành viên trong gia đình thông qua lời miêu tả - Trò chơi: Ai nói gì?
	Các hoạt động trong gia đình	Trẻ biết miêu tả, tham gia và thay đổi cách giao tiếp trong các hoạt động gia đình (nấu ăn, dọn dẹp, ăn cơm).	- Thực hiện các câu nói đơn giản khi tham gia hoạt động: “Con phụ mẹ nấu cơm,” “Con giúp bố lau bàn.” - Trẻ sử dụng ngữ cảnh để điều chỉnh cách giao tiếp trong các hoạt động như nhắc nhở nhẹ nhàng, yêu cầu lịch sự.	- Đóng vai các thành viên trong gia đình - Xin phép và nhờ giúp đỡ
	Vai trò của các thành viên	Trẻ biết phân biệt vai trò của các thành viên gia đình trong trò chơi đóng vai (bố làm gì, mẹ làm gì, con cái giúp đỡ ra sao).	- Sử dụng lời nói phù hợp với từng vai: “Mẹ nấu ăn,” “Bố đi làm,” “Con chơi với anh.” - Trẻ hiểu vai trò và biết cách thay đổi cách diễn đạt tùy theo vai trò và tình huống.	- Trình diễn kịch gia đình - Vẽ và miêu tả gia đình
	Gia đình và cảm xúc	Trẻ biết diễn đạt cảm xúc khi tương tác với các thành viên trong gia đình, và biết điều chỉnh cách giao tiếp khi vui, buồn, hay cần sự giúp đỡ.	- Sử dụng từ ngữ diễn đạt cảm xúc: vui, buồn, giận, yêu thương. - Biết cách xin lỗi hoặc cảm ơn: “Con xin lỗi vì làm sai,” “Cảm ơn bố đã giúp con.”	Kể chuyện về gia đình

Giao tiếp qua bữa ăn gia đình	Trẻ biết cách giao tiếp trong bữa ăn, sử dụng ngữ cảnh để điều chỉnh giọng điệu và từ ngữ khi yêu cầu hoặc chia sẻ.	- Trẻ biết nói câu lịch sự khi yêu cầu: “Con xin thêm cơm.” “Con muốn uống nước.” - Biết thay đổi cách giao tiếp khi tương tác với người lớn hoặc trẻ nhỏ hơn trong bữa ăn.	Cùng chuẩn bị bữa ăn cho gia đình
Gia đình và mối quan hệ xã hội	Trẻ biết cách giới thiệu gia đình khi trò chuyện với bạn bè hoặc người ngoài, và biết điều chỉnh cách nói chuyện theo người nghe.	- Trẻ biết giới thiệu: “Đây là mẹ của con,” “Con có anh trai tên là Nam.” - Biết thay đổi cách giao tiếp khi nói chuyện với bạn cùng tuổi và người lớn.	- Quay video giới thiệu về gia đình của bé - Thăm gia đình bạn cùng lớp

3. Kết luận

Ngữ dụng xã hội được hiểu là KN sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống xã hội khác nhau, bao gồm việc hiểu và đáp ứng đúng các quy tắc xã hội trong giao tiếp. Đối với trẻ RLPTK, phát triển KN ngữ dụng xã hội là một quá trình khó khăn và đòi hỏi sự can thiệp và hỗ trợ phù hợp từ GV, gia đình và môi trường xung quanh. Phát triển ngữ dụng xã hội cho trẻ RLPTK học mầm non hoà nhập cần phải được xây dựng trên cơ sở lí thuyết về giáo dục hòa nhập, nhấn mạnh tầm quan trọng của sự tham gia của trẻ RLPTK vào môi trường giáo dục cùng các bạn đồng trang lứa. Mục tiêu của các hoạt động này là giúp trẻ phát triển các kĩ năng giao tiếp xã hội, tạo điều kiện để trẻ có thể tương tác với môi trường xung quanh một cách hiệu quả và phù hợp. Các biện pháp giáo dục bao gồm việc tạo môi trường học tập tích cực, áp dụng các chiến lược giảng dạy trực quan, và tăng cường sự tham gia của gia đình trong việc hỗ trợ trẻ phát triển kĩ năng xã hội. Từ các lí luận đã trình bày, có thể thấy rằng việc xây dựng các hoạt động phát triển ngữ dụng xã hội cho trẻ RLPTK 4-5 tuổi học hoà nhập là một nhiệm vụ phức tạp nhưng quan trọng, không chỉ giúp cải thiện KN giao tiếp của trẻ mà còn giúp trẻ hoà nhập tốt hơn vào xã hội.

Tài liệu tham khảo

- Baron-Cohen, S. (1997). *Mindblindness: An essay on autism and theory of mind*. MIT Press.
- Frith, U. (2001). Mindblindness and the brain in autism. *Neuron*, 32(6), 969-979.
- Gray, C. (1998). Social Stories™: Improving responses of students with autism with accurate social information. *Focus on Autistic Behavior*, 10(1), 1-10.
- Grice, H. P. (1975). Logic and conversation. In P. Cole & J. L. Morgan (Eds.), *Syntax and semantics: Vol. 3. Speech acts* (pp. 41-58). Academic Press.
- Guralnick, M. J. (2001). A framework for change in early childhood inclusion. In M. J. Guralnick (Ed.), *Early childhood inclusion: Focus on change* (pp. 3-38). Brookes.
- Kaiser, A. P., & Hancock, T. B. (2003). Teaching communication skills to children with autism. *Pediatric Clinics of North America*, 50(4), 1017-1030.
- Koegel, L. K., & Koegel, R. L. (1995). *Teaching children with autism: Strategies for initiating positive interactions and improving learning opportunities*. Brookes.
- Koegel, R. L., & Koegel, L. K. (1987). The effects of self-management on the generalization of student academic behavior. *Journal of Applied Behavior Analysis*, 20(2), 161-169.
- Landa, R. (2000). Social language use in children with language impairment. *Topics in Language Disorders*, 20(3), 15-30.
- Loveland, K. A., & Tunali, B. (1991). Social scripts and dialogue in autism and typical development. *Journal of Autism and Developmental Disorders*, 21(2), 157-169.
- Norbury, C. F. (2005). Barking up the wrong tree? Lexical ambiguity resolution in children with language impairments and autistic spectrum disorders. *Journal of Experimental Child Psychology*, 90(2), 142-171.
- Odom, S. L., McConnell, S. R., & Brown, W. H. (2004). Social competence of young children with disabilities: Issues and strategies for intervention. *Topics in Early Childhood Special Education*, 24(1), 28-39.
- Prutting, C. A., & Kirchner, D. M. (1987). A clinical appraisal of the pragmatic aspects of language. *Journal of Speech and Hearing Disorders*, 52(2), 105-119.
- Rogers, S. J., & Pennington, B. F. (1991). A theoretical approach to the deficits in infantile autism. *Development and Psychopathology*, 3(2), 137-162.
- Volkmar, F. R., & Klin, A. (2000). Diagnostic issues in Asperger syndrome. In A. Klin, F. R. Volkmar, & S. S. Sparrow (Eds.), *Asperger syndrome* (pp. 25-71). Guilford Press.
- Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Harvard University Press.